

PHỤ LỤC

Tài sản thẩm định giá của Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Phú Phong (cũ)
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND xã Tây Sơn)

STT	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	02 giếng thu nước (số 07 và 08) Đường ống chuyển tải	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 05/2000 - Kết cấu: Đường kính bọng BTCT khoảng 2m, chiều sâu 9m. Ống tải nhựa PVC phi 114 (đến bể chứa 400 m3)	m	18,00
2	Mạng lưới phân phối (Từ cọc 01 đến cọc 13 và từ cọc 12A đến cọc 9C)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 05/2000	HM	1
2.1	Đường ống PVC phi 250 (đã hư hỏng không thẩm định)	+ Từ cọc số 01 đến cọc số 13: Thuộc tuyến đường Đổng Đa, được lắp đặt ống PVC phi 250, chiều dài hạng mục 507m; (Đoạn ống này nằm dưới sông đã bị hư hỏng sau trận lũ năm 2021, hiện tại không còn sử dụng)	m	507
2.2	Đường ống PVC phi 100	+ Từ cọc số 12A đến cọc số 9C: Thuộc tuyến đường Quang Trung, được lắp đặt ống PVC phi 100, chiều dài hạng mục: 385m	m	385
3	Mạng lưới phân phối (Từ trạm bơm cấp 02 đến cọc số 01)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 06/2000 - Vị trí tuyến: Từ trạm bơm cấp 02 đến cọc số 01 - Thuộc tuyến đường Đổng Đa, được lắp đặt ống gang phi 350, chiều dài hạng mục: 27m	m	27
4	Mạng lưới phân phối (Từ cọc số 1A đến cọc số 12A; Cọc số 3C đến cọc số 6F; Cọc số 6C đến cọc số 14f; Cọc số 9C đến cọc số 5G)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 06/2000	HM	1
4.1	Đường ống PVC phi 150, phi 200, phi 250	+ Từ cọc số 1A đến cọc số 12A: Thuộc tuyến đường Đổng Đa, được lắp đặt ống PVC phi 150, phi 200 và phi 250, chiều dài hạng mục: 507m	m	507
4.2	Đường ống PVC phi 100	+ Cọc số 3c đến cọc số 6f: Thuộc tuyến đường Bùi Thị Xuân, được lắp đặt ống PVC phi 100, chiều dài hạng mục: 145m.	m	145
4.3	Đường ống PVC phi 100	+ Cọc số 6c đến cọc 14f: Thuộc tuyến đường Võ Văn Dũng, được lắp đặt ống PVC phi 100, chiều dài hạng mục: 64m.	m	64
4.4	Đường ống PVC phi 100	+ Cọc số 9C đến cọc số 5G: Thuộc tuyến đường Phan Đình Phùng, được lắp đặt ống PVC phi 100, chiều dài hạng mục: 291m	m	291

STT	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Đvt	Số lượng
5	Mạng lưới phân phối (Từ cọc số 8A đến cọc số 2N) và Hồ van	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 06/2000 - Vị trí tuyến: Từ cọc số 8A đến cọc số 2N – Thuộc tuyến đường Phan Đình Phùng, được lắp đặt ống PVC phi 80, phi 150, chiều dài hạng mục: 378m.	m	378
6	Nhà làm việc	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 10/2000 - Diện tích xây dựng: 48 m ² - Kết cấu: Móng khung cột BTCT, tường gạch quét vôi, nền láng xi măng.	m ²	48,0
7	Mạng lưới phân phối (Từ cọc số 12A đến cọc số 13A; Cọc số 13A đến cọc số 17B; Cọc số 13A đến cọc số 9C; Cọc số 12A đến cọc số 16B)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 05/2001	HM	1
7.1	Đường ống PVC phi 80	+ Từ cọc số 12A đến cọc số 13A: Thuộc tuyến đường Quang Trung, được lắp đặt ống PVC phi 80, chiều dài hạng mục: 20m.	m	20
7.2	Đường ống PVC phi 80	+ Cọc số 13A đến cọc số 17B: Thuộc tuyến đường Quang Trung, được lắp đặt ống PVC phi 80, chiều dài hạng mục 385m.	m	385
7.3	Đường ống PVC phi 80, phi 100	+ Cọc số 12A đến cọc số 16B: Thuộc tuyến đường Quang Trung, được lắp đặt ống PVC phi 80, phi 100, chiều dài hạng mục 725m.	m	725
8	Đường dây 22kV-0,4kV và trạm biến áp	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001 - Bao gồm: Đường dây 22-0,4kV và Trạm biến áp có thiết bị - Hiện trạng: đã hư hỏng không sử dụng	HM	1
		+ Máy biến áp 100kVA - Thibidi	Cái	1
		+ Chống sét van (Lingning arrester -21kV)	Cái	3
		+ Tủ tụ bù hạ thế trọn bộ: 30kVAr	Cái	1
		+ Cột bê tông L=8m	Cái	2
		+ Tiếp địa	Cái	1
		+ Nối đất trạm	Cái	1
		+ Xà đỡ tụ bù	Cái	1
		+ Đai đỡ xà và lắp tăng đỡ	Cái	1
		+ Xà néo lệch XNL-2GD	Cái	1
		+ Tủ điện hạ thế 0,4kV TĐ-3	Cái	1
		+ Tủ tụ bù hạ thế 0,4kV	Cái	1

STT	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Đvt	Số lượng
		+ Hệ xà trạm cột ghép HXT-CG	Cái	1
		+ Tiếp địa chờ TBA	Cái	1
		+ Dây sứ trạm biến áp 50kVA-22/0,4	Hệ	1
9	Đường ống kỹ thuật – thoát nước (phần công nghệ)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001 - Bao gồm: Đường ống PVC phi 200	HM	1
10	Bể chứa 400m ³ (Phần xây dựng)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001 - Kết cấu: Bể làm bằng BTCT, tường BTCT dày 20cm, nền BTCT.	m ³	400,0
11	Bể chứa 400m ³ (phần công nghệ)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001 - Bao gồm: Công nghệ xử lý nước (Vách ngăn,...)	HM	1
12	Giếng – Đường ống chuyên tải (Phần công nghệ)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001	HM	1
		+ Crephin DN100 (Van hút)	Cái	2
		+ Van 1 chiều DN100	Cái	2
		+ Van bướm DN100	Cái	2
		+ Van xả khí DN25	Cái	2
		+ Ống hút uPVC DN100, dày 5mm	m	16
		+ Ống đẩy uPVC DN100, dày 5mm	m	60
		+ Cút nhựa DN100 - 90 độ	Cái	2
		+ Cút nhựa DN100 - 45 độ	Cái	8
		+ Bích nhựa DN100	Cái	4
		+ Máy bơm trục ngang pentax 7,5kW; Q=9-42/m ³ /h; H=(57,8-43)m	Cái	2
13	Trạm bơm cấp 2 (Đợt 1)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 09/2001	HM	1
		+ Ống hút chung thép DN300x6,35mm	m	4
		+ Ống hút riêng DN200x5,16	m	6
		+ Van hút DN300	Cái	1
		+ Van chặn DN200	Cái	2
		+ Van 1 chiều DN200	Cái	2
		+ Bích thép DN300	Cái	2
		+ Bích thép DN200	Cái	6
		+ Cút thép DN200	Cái	4

STT	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Đvt	Số lượng
		+ <i>Tê thép DN300x200</i>	<i>Cái</i>	2
		+ <i>Đồng hồ đo áp</i>	<i>Cái</i>	2
		+ <i>Van xả khí DN25</i>	<i>Cái</i>	2
		+ <i>Van ren lấy mẫu DN25</i>	<i>Cái</i>	2
		+ <i>Ống thép DN25x2,5mm</i>	<i>m</i>	4
14	Điện ngoài nhà	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 10/2001 - Bao gồm: Đường dây điện xung quanh nhà thương hiệu CADIVI (CXV 3x16 - 0,6/1kv) + Tủ tủ cấp điện trạm bơm cấp 2 dài 32,3m + Tủ tủ ra trạm bơm cấp 1 gần giếng số 8 dài 18m. + Tủ tủ ra trạm bơm cấp 1 gần giếng số 7 dài 40m.	m	90,3
15	Trạm bơm cấp 2 (Đợt 2)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 8/2001 - Bao gồm: 02 máy bơm Pentax công suất 7,5kW	Cái	2
16	Mạng lưới phân phối (Giai đoạn 2)	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 10/2002	HM	1
16.1	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Mai Xuân Thưởng từ Quang Trung đến Hai Bà Trưng, chiều dài 536m</i>	<i>m</i>	536
16.2	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Võ Xán từ Quang Trung đến Phan Đình Phùng, chiều dài 128m</i>	<i>m</i>	128
16.3	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Võ Xán từ Phan Đình Phùng đến Trần Quang Diệu, chiều dài 247m</i>	<i>m</i>	247
16.4	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Quang Trung từ cọc 17B đến 25B, chiều dài 350m</i>	<i>m</i>	350
16.5	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Nguyễn Lữ, chiều dài 309m</i>	<i>m</i>	309
16.6	Đường ống PVC phi 80 và phi 100	+ <i>Tuyến ống đường Võ Lai, chiều dài 355m</i>	<i>m</i>	355
16.7	Đường ống PVC phi 100	+ <i>Tuyến ống đường Trần Quang Diệu từ cọc 3A đến 12G, chiều dài 247m</i>	<i>m</i>	247
16.8	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Trần Quang Diệu từ cọc 3A đến 4M, chiều dài 566m</i>	<i>m</i>	566
16.9	Đường ống PVC phi 100	+ <i>Tuyến ống đường Nguyễn Sinh Sắc, chiều dài 380m</i>	<i>m</i>	380
16.10	Đường ống PVC phi 100	+ <i>Tuyến ống đường Ngô Thì Nhậm, chiều dài 478m</i>	<i>m</i>	478
16.11	Đường ống PVC phi 100	+ <i>Tuyến ống đường Quốc lộ 19B từ Quang Trung đến Nguyễn Sinh Sắc, chiều dài 731m</i>	<i>m</i>	731
16.12	Đường ống PVC phi 80	+ <i>Tuyến ống đường Nguyễn Thiện Thuật, chiều dài 913m</i>	<i>m</i>	913

STT	Hạng mục	Đặc điểm kỹ thuật	Đvt	Số lượng
16.13	Đường ống PVC phi 100	+ Tuyến ống đường Bùi Thị Xuân từ 6F đến cọc 2K, chiều dài 258m	m	258
16.14	Đường ống PVC phi 100	+ Tuyến ống đường Võ Văn Dũng từ 5G đến cọc 12G, chiều dài 254m	m	254
17	Nhà vệ sinh	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 10/2002 - Diện tích xây dựng: (1,9x2,9)m - Kết cấu: Móng khung cột BTCT, tường gạch, nền lát gạch ceramic (20x20)cm	m2	5,51
18	Nhà hóa chất	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 10/2004	HM	1
18.1	Phần xây dựng	- Phần xây dựng: + Nhà hóa chất có diện tích 24m2 + Kết cấu: Móng khung cột BTCT, tường gạch, quét vôi, nền láng xi măng, mái ngói.	m2	24
18.2	Phần công nghệ	- Phần công nghệ: gồm 1 bình hóa chất Clo để lọc nước	bình	1
19	Mạng lưới phân phối cấp nước khu Gò Lãng	- Năm đưa vào sử dụng: Tháng 01/2005 - Vị trí tuyến: Mạng lưới cấp nước khu Gò Lãng từ nhà máy đi về hướng Gò Lãng được lắp đặt ống PVC phi 80, chiều dài 345m	m	345